| BỘ NÔNG NGHIỆP<br>VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 972 /QĐ-BNN-KH | *Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015* |

# QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành kế hoạch chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và xây dựng hạ tầng nông thôn vùng ĐBSCL năm 2015 của Ban chỉ đạo sản xuất Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vùng ĐBSCL**

## BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/ 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định 3393/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập; Quyết định 4051/QĐ-BNN-KH ngày 18/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quy chế hoạt động của Ban CĐ sản xuất nông nghiệp và Phát triển nông thôn vùng ĐBSCL;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 3/01/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ công văn số: 1098 - CTr/BCS ngày/12/12/ 2014 của Ban cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 110/QĐ-BNN- KH ngày 15/1/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết 01/NQ - CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm Quyết định này Kế hoạch chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và xây dựng hạ tầng nông thôn vùng ĐBSCL năm 2015 của Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và PTNT vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Ban chỉ đạo Tây Nam bộ;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu VT, KH.(50)

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Trần Thanh Nam**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

| BỘ NÔNG NGHIỆP<br>VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

# KẾ HOẠCH CHỈ ĐẠO

**Sản xuất nông nghiệp và xây dựng hạ tầng nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2015 của Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

*(Kèm Quyết định số 972 /BNN-KH ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

## I. MỤC TIÊU

Thực hiện mạnh tái cơ cấu phát triển ngành gắn với xây dựng nông thôn mới, nhằm nâng cao giá trị gia tăng phát triển bền vững với việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho dân cư sinh sống trên địa bàn nông thôn. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh ngành nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2014:

Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của toàn ngành theo hướng đẩy mạnh xây dựng nền nông nghiệp có giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường. Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh ngành nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2015 đạt 25,5 triệu tấn lúa (tăng so với 2014 là 230.000 tấn); nuôi trồng, khai thác thủy sản 3,5 triệu tấn (trong đó cá tra đạt 1,35 triệu tấn, tôm nước lợ 420.000 tấn) góp phần thực hiện chỉ tiêu sản xuất của toàn ngành nông nghiệp cả nước năm 2015: Tốc độ tăng GDP đạt 3,0 - 3,3%; tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 3,4 - 3,7%.

## II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Thực hiện tái cơ cấu ngành, thúc đẩy sản xuất các sản phẩm nông sản chủ lực, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu

a). Trồng trọt:

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu đã được xác định trong đề án tái cơ cấu ngành trồng trọt theo kế hoạch được duyệt tại Quyết định số 1006/QĐ-BNN-TT ngày 13/5/2014 của Bộ; phát triển sản xuất trồng trọt quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở thay đổi căn bản từ khâu giống, sử dụng giống chất lượng cao; đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt, chuyển đổi cơ cấu cây trồng; điều chỉnh cơ cấu một số cây trồng chủ lực theo hướng giảm diện tích trồng lúa, tăng



LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

diện tích trồng mầu; tái canh cà phê, thâm canh cây điều; cây macca, chọn tạo và nâng cao phẩm cấp giống lúa; tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ lúa gạo, cây ăn quả theo chuỗi giá trị;

- Tăng cường dự báo, phòng trừ sâu bệnh bảo vệ cây trồng; đẩy mạnh kiểm dịch xuất nhập khẩu, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ hàng nông sản nhập khẩu; tăng cường quản lý thuốc bảo vệ thực vật, giống và phân bón.

- Chấn chỉnh quản lý chất lượng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, dập tắt dịch bệnh nguy hiểm hiện có trên cây thanh long, nhãn, hồ tiêu, sắn.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách để sử dụng hiệu quả đất lúa; các địa phương nghiên cứu chặt chẽ điều kiện thời tiết, mùa vụ và hiệu quả sản xuất có cơ sở khoa học, thực tiễn để chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa; đẩy mạnh ứng dụng quy trình thâm canh "3 giảm, 3 tăng", "1 phải, 5 giảm" trong sản xuất lúa.

b) Chăn nuôi:

- Triển khai mạnh đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo Quyết định số 984/QĐ-BNN-CN ngày 09/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chuyển mạnh từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và ứng dụng công nghệ cao.

- Thực hiện đăng ký và quản lý vùng chăn nuôi an toàn sinh học theo chuẩn quốc tế; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

- Khuyến khích chuyển dịch dần chăn nuôi từ vùng mật độ dân số cao (vùng đồng bằng) đến nơi có mật độ dân số thấp (vùng trung du, miền núi), hình thành các vùng chăn nuôi xa thành phố, khu dân cư; chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm (trọng tâm là gà lông màu và vịt đẻ trứng), tiếp tục phát triển chăn nuôi lợn và gia súc lớn.

- Tăng cường quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi, kiên quyết đấu tranh với việc sử dụng chất cấm, kiểm soát việc sử dụng kháng sinh quá mức.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát việc giết mổ, vận chuyển đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, bố trí đủ nguồn lực để chủ động phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi;

- Quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y; áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm (ATTP) theo chuỗi giá trị; tăng cường năng lực công tác thú y.

- Đẩy mạnh phát triển nuôi một số vật nuôi có lợi thế cạnh tranh cao, thực hiện chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Chỉ đạo sản xuất thức ăn chăn nuôi; quản lý chất lượng thức ăn và chế phẩm sinh học, kháng sinh, hóa chất sử dụng trong chăn nuôi.

- Phối hợp với các địa phương kiểm soát chặt chẽ chất lượng giống vật nuôi, vật tư cho chăn nuôi, gia súc, gia cầm.

c) Phát triển Thủy sản bền vững



LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo Quyết định số 2760/QĐ-BNN-TCTS ngày 22/11/2013. Trong nuôi trồng thủy sản, tập trung vào khâu quy hoạch, đối tượng nuôi chủ lực (tôm, cá tra, nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, cá rô phi), thị trường tiêu thụ, cơ sở hạ tầng.

c1) Nuôi trồng thuỷ sản:

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng cao, phù hợp với yêu cầu của thị trường; đa dạng hóa đối tượng nuôi và phương thức nuôi với cơ cấu diện tích và sản lượng phù hợp từng vùng kinh tế, sinh thái.

- Đẩy mạnh áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, có chứng nhận với các sản phẩm chủ lực. Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi tuần hoàn, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển mạnh nuôi, trồng trên biển, đặc biệt đối với trồng rong, tảo biển. Giữ ổn định diện tích nuôi cá tra khoảng 5.200 ha, thực hiện tốt Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 nhằm đảm bảo giá nguyên liệu ổn định, đảm bảo có lãi cho cả doanh nghiệp và người nuôi cá tra; ổn định diện tích nuôi tôm sú, phát triển nuôi tôm chân trắng ở các vùng có lợi thế, đẩy mạnh nuôi cá rô phi ở các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung.

- Nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh trên thủy sản, trước hết trên tôm, nhuyễn thể, cá tra; đổi mới hệ thống, tăng cường quản lý giống, thức ăn; kiểm soát sử dụng kháng sinh;

- Tăng cường quản lý, giám sát dịch bệnh, trong đó: tiếp tục nghiên cứu bệnh tôm (EMS và đốm trắng), hướng dẫn quy trình nuôi tôm an toàn dịch bệnh; chú trọng công tác phòng chống dịch bệnh trên tôm nuôi nước lợ.

- Tăng cường công tác kiểm tra các yếu tố đầu vào, đặc biệt là chất lượng thức ăn, sản phẩm cải tạo môi trường và con giống.

- Tiếp tục triển khai mạnh mẽ chương trình xây dựng vùng nuôi an toàn dịch bệnh trên cơ sở áp dụng đại trà các tiêu chuẩn VIETGAP trong nuôi cá tra, tôm sú. Tích cực đàm phán, triển khai các bước để tiến tới tiêu chuẩn VietGAP của Việt Nam tương thích với các chuẩn quốc tế (GlobalGAP, ASC).

- Tiếp tục tháo gỡ khó khăn về vốn vay nuôi cá tra, tôm. Có giải pháp căn bản xây dựng liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất kinh doanh cá tra đảm bảo lợi ích của các bên.

- Xây dựng Chương trình phát triển thủy sản bền vững ; Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, thâm canh.

- Rà soát và tiếp tục hoàn thành các tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý vật tư (thức ăn, chế phẩm sinh học, hóa chất, giống ...) trong nuôi trồng thuỷ sản còn thiếu đang được xây dựng và hoàn tất thủ tục ban hành.

- Chú trọng công tác tổ chức lại sản xuất trong nuôi trồng thủy sản.

c2) Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản:



LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Tập trung triển khai chương trình đổi mới, sửa chữa, nâng cấp theo lộ trình phù hợp hệ thống tàu thuyền đánh bắt xa bờ; hỗ trợ ngư dân áp dụng các kỹ thuật và thiết bị hiện đại để nâng cao hiệu quả đánh bắt, bảo quản sản phẩm trên tàu. Giảm dần sản lượng khai thác thủy sản ven bờ, đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ; tập trung khai thác các sản phẩm chủ lực (cá ngừ đại dương, mực, bạch tuộc); nâng cao hiệu quả khai thác và giảm tổn thất sau thu hoạch. Khai thác thủy sản gắn liền với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Tổ chức thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản; trong đó, tập trung xây dựng đề án phát triển khai thác hải sản xa bờ toàn quốc đến năm 2020, theo dõi tình hình tổ chức sản xuất, an ninh trên biển, biến động giá dầu phục vụ khai thác, dự báo ngư trường để tổ chức lại khai thác trên biển hiệu quả.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần cho khai thác thủy sản; xây dựng cơ sở vật chất và kiện toàn bộ máy lực lượng Kiểm ngư và các Chi cục kiểm ngư Vùng.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện: Quyết định số 375/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 về tổ chức lại khai thác hải sản trên các vùng biển, Quyết định số 301/QĐ-BNN-TCTS ngày 20/02/2013 về dự báo ngư trường, Quyết định số 38/TTg ngày 27/6/2013 về một số chính sách khuyến khích hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải trên các vùng biển xa và Đề án 47 về điều tra nguồn lợi hải sản.

- Tập trung tạo chuyển biến rõ rệt trong giảm tổn thất sau thu hoạch khai thác hải sản thông qua tổ chức sản xuất trên biển, tại cảng và ứng dụng các công nghệ thiết bị lạnh trong khai thác, bảo quản phù hợp với điều kiện tàu cá.

- Xây dựng các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn nội địa phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển. Trong đó, kiên quyết không cho tàu cá xuất bến khi chưa đủ biển số và phao cứu sinh.

- Công bố cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đã đủ điều kiện theo quy định; rà soát quy hoạch để đề xuất bổ sung, điều chỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 744/VPCP-KTN ngày 27/01/2014.

- Triển khai thực hiện Đề án thí điểm Tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến, phân phối cá ngừ theo chuỗi;

- Kiện toàn tổ chức, xây dựng thể chế và đưa vào hoạt động lực lượng kiểm ngư gồm kiểm ngư, dịch vụ hậu cần kiểm ngư, thông tin kiểm ngư..., làm tốt hơn chức năng kiểm soát hoạt động thực thi Luật Thủy sản trên các ngư trường, góp phần bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh hải của Tổ quốc.

d) Phát triển Lâm nghiệp bền vững:



LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/7/2013. Thực hiện quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, từng bước thay thế các diện tích kém hiệu quả bằng rừng trồng có năng suất cao; tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng, nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng, khuyến khích phát triển mô hình kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả và lâm sản ngoài gỗ với trồng rừng và khai thác rừng bền vững; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm từ khai thác gỗ non xuất khẩu dăm sang khai thác gỗ lớn cung cấp cho công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu.

- Phát triển các mô hình rừng trồng có hiệu quả kinh tế cao, rừng gỗ lớn, cây lâm đặc sản, cây dược liệu gắn với chế biến; phát triển trồng rừng có chứng chỉ. Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng. Chỉ đạo nghiêm túc trồng rừng thay thế cho diện tích rừng bị chuyển đổi.

- Tiếp tục triển khai các nội dung của kế hoạch bảo vệ và phát triển bền vững 13,5 triệu ha rừng hiện có. Đổi mới căn bản phương thức quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và rừng sản xuất là rừng tự nhiên, dừng khai thác để vừa bảo vệ được rừng vừa tạo điều kiện tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân làm nghề rừng gắn với xóa đói giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh phát triển rừng gắn với công tác bảo vệ rừng, tiếp tục thực hiện việc giao đất, giao rừng, điều chỉnh cơ chế, chính sách để quản lý hiệu quả tài nguyên rừng và đảm bảo cuộc sống của người dân làm nghề rừng; tiếp tục chỉ đạo địa phương triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; xử lý nghiêm và dứt điểm các điểm nóng phá rừng trái phép.

- Triển khai đề án phục hồi và phát triển rừng ngập mặn tại các tỉnh, thành phố ven biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Tăng cường công tác bảo vệ, phòng cháy rừng và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển. Tiếp tục triển khai công tác giao đất, khoán rừng cho hộ gia đình, các cộng đồng để tổ chức quản lý bảo vệ; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có khả năng trồng rừng sản xuất thâm canh có hiệu quả; thu hút đầu tư vào trồng rừng sản xuất và chế biến lâm sản, phát triển du lịch sinh thái rừng. Phối hợp với các địa phương có phương án xử lý hiệu quả tình trạng di dân tự do, bảo đảm giữ rừng, giữa đất và ổn định đời sống nhân dân. Tăng cường quản lý hệ sinh thái đặc dụng, bảo vệ quỹ gen, đảm bảo đa dạng sinh học; mở rộng áp dụng chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý rừng.

đ) Diêm nghiệp:

- Tập trung đầu tư cải tạo nâng cấp các đồng muối hiện có, tạo điều kiện cho diêm dân nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành muối, cải thiện thu nhập. Tiếp tục đẩy mạnh chế biến muối cung cấp cho ngành công nghiệp hóa chất, chế biến



LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

muối iốt; đồng thời, thông qua chế biến để tiêu thụ muối thô tạo điều kiện nâng cao đời sống diêm dân.

- Tiếp tục nhân rộng mô hình sản xuất muối sạch, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất, giảm thiểu sự ảnh hưởng của thời tiết và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

e) Công nghiệp chế biến và làng nghề nông thôn:

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án nâng cao giá trị gia tăng hàng NLTS thông qua tái cơ cấu lĩnh vực công nghiệp chế biến, bảo quản và giảm tổn thất sau thu hoạch, theo Quyết định số 1016/QĐ-BNN-CB ngày 13/5/2014. Thực hiện ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến sản phẩm ăn liền để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm NLTS; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013. Tiếp tục hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy hoạch công nghiệp chế biến NLTS tại các địa phương, chú trọng quản lý môi trường các làng nghề chế biến NLTS…

- Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các giải pháp nêu tại Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường để kịp thời định hướng các ngành sản xuất NLTS.

- Tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến cung - cầu, giá cả hàng nông sản, kịp thời thông tin cho doanh nghiệp và đề xuất cơ chế chính sách tiêu thụ nông sản kịp thời, hiệu quả, bảo đảm lợi ích cho nông dân, góp phần ổn định thị trường, đặc biệt, đối với các mặt hàng chủ lực và vật tư đầu vào thiết yếu cho sản xuất. Hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, giảm hàng tồn kho.

- Tổ chức thực hiện tốt Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ. Triển khai có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại; xúc tiến xuất khẩu các mặt hàng NLTS vào các thị trường trọng điểm; mở rộng các thị trường hiện có và mở rộng thị trường mới có nhiều tiềm năng.

- Thực hiện nghiêm công tác quản lý chất lượng hàng hóa, vệ sinh ATTP đối với các sản phẩm NLTS và vật tư nông nghiệp xuất, nhập khẩu; đẩy mạnh đàm phán, thỏa thuận với các nước nhập khẩu công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận về sử dụng các biện pháp bảo hộ chỉ dẫn địa lý, quy định nguồn gốc xuất xứ, chống gian lận thương mại, vi phạm pháp luật thương mại quốc tế.

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách về giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-BNN-CB ngày 20/6/2014 về triển khai Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Xây dựng và hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, môi trường làng nghề, môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển các mô hình kinh tế hợp tác; Xây dựng quan hệ sản xuất mới trên cơ sở liên kết, hợp tác sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi dựa trên cơ chế quy định tại Quyết định 62 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia**

a) Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho chương trình, tập trung xây dựng chính sách; tổ chức thực hiện Kết luận số 97 -KL/TW ngày 09/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị sơ kết ba năm thực hiện Chương trình đã được tổ chức tại tỉnh Sóc Trăng năm 2014.

- Tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, theo chuyên đề cho từng tiêu chí; xây dựng sổ tay hướng dẫn về nội dung, cơ chế tài chính để chỉ đạo toàn diện, tạo chuyển biến rõ rệt về thu nhập, đời sống của người dân nông thôn.

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tập trung phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu cấp xã, thôn, bản trực tiếp gắn với phát triển sản xuất, đời sống của người dân, như giao thông, thuỷ lợi, nước sinh hoạt, nhà văn hoá. Xây dựng, phát triển huyện nông thôn mới phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam tại các huyện nghèo, huyện thuộc vùng sâu, vùng xa.

- Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất trên địa bàn xã theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với tiêu thụ NLTS để nâng cao thu nhập cho nông dân, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ môi trường nông thôn.

- Tích cực hướng dẫn thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành.

- Ưu tiên nguồn lực từ NSNN, trái phiếu Chính phủ và huy động toàn xã hội tham gia thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

b) Chương trình giảm nghèo

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020, Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 01/11/2012 phê duyệt Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XI) về một số vấn đề chính sách xã hội GĐ 2012 - 2020.

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức xây dựng mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình 135, Chương trình 30a.



LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Nghiên cứu xây dựng chính sách chung về hỗ trợ sản xuất cho hộ nghèo trên cả nước thay thế các chính sách hỗ trợ giảm nghèo hiện nay. Đẩy mạnh thực hiện Quyết định 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 về hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, dân tộc miền núi giai đoạn 2014 - 2020; hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo, không tái nghèo.

- Phối hợp với các địa phương thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 755/QĐ-TTg về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; số 29/2013/QĐ-TTg về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng ĐBSCL giai đoạn 2013 - 2015.

c) Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch và vệ sinh MTNT;

- Đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển thị trường nước sạch và dịch vụ vệ sinh MTNT. Vận động các tổ chức quốc tế cả về kinh nghiệm, khoa học công nghệ và vốn để hoàn thành các mục tiêu khi tổng kết Chương trình năm 2015.

- Tập trung ưu tiên cho các công trình cấp nước sạch và vệ sinh MTNT các xã nông thôn mới, các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, các địa bàn thường bị thiên tai hạn hán, lũ lụt, khu vực có nguồn nước bị ô nhiễm.

**3. Phát triển thủy lợi, đầu tư hạ tầng sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu**

a) Phát triển thủy lợi

- Tập trung triển khai Đề án tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi theo Quyết định số 794/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/4/2014 và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi. Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu, trọng tâm là phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đảm bảo nhu cầu cung cấp nước cho thâm canh cây trồng, nuôi trồng thuỷ sản và làm muối, phát triển công nghiệp, phục vụ đời sống dân cư... Tập trung hoàn thành quy hoạch thủy lợi toàn quốc phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch thủy lợi phục vụ thủy sản vùng ĐBSCL.

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thuỷ lợi. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, xây dựng và quản lý các công trình thủy lợi (thiết bị viễn thông, viễn thám, công nghệ thiết bị tưới tiết kiệm, kênh mương đúc sẵn...). Trong đó, đặc biệt chú trọng triển khai áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm ở nơi có điều kiện, tạo ra đột phá về năng suất, chất lượng đối với cây trồng cạn, tập trung thực hiện các biện pháp phi công trình để tăng cường năng lực phòng tránh thiên tai. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình đầu tư dở dang, công trình cấp bách hoặc có ý nghĩa kinh tế xã hội,



LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

môi trường và an ninh quốc phòng, nâng cấp hệ thống đê, chống ngập tại các đô thị lớn, công trình thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 14/10/2013 về tăng cường công tác quản lý, bảo đảm an toàn hồ chứa; rà soát, bố trí vốn để nâng cấp, sửa chữa các hồ có nguy cơ mất an toàn. Thực hiện kế hoạch tu bổ đê điều thường xuyên, ưu tiên đầu tư những công trình trọng điểm, tạo điều kiện phát triển dân sinh, kinh tế khu vực được đê điều bảo vệ; tiếp tục triển khai các Chương trình củng cố, nâng cấp đê biển, đê sông.

- Hoàn chỉnh hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống thiên tai. Xây dựng các phương án chủ động phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai; tăng cường năng lực để phòng chống thiên tai, chú trọng hệ thống dự báo, cảnh báo lũ, lụt, ứng phó kịp thời, hiệu quả trước mọi tình huống.

b) Phát triển cơ sở hạ tầng thủy sản và nông, lâm nghiệp

- Tiếp tục đầu tư các dự án hạ tầng giống thuỷ sản theo quy hoạch hệ thống nghiên cứu, sản xuất và cung ứng giống đến năm 2020; hạ tầng vùng nuôi thuỷ sản tập trung; hạ tầng dịch vụ hậu cần nghề cá, cơ sở hạ tầng cung cấp dịch vụ công ích;

- Tập trung bố trí vốn hoàn thành các dự án khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, cảng cá loại 1 đang đầu tư dở dang sớm hoàn thành đưa vào sử dụng và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cảng cá đã được quy hoạch theo Quyết định 346/QĐ-TTg ngày 15/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.

- Tiếp tục triển khai các dự án tăng cường hạ tầng kỹ thuật nông, lâm nghiệp, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học công nghệ, chọn tạo và nhân giống, kiểm soát chất lượng, vệ sinh ATTP, phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi;

- Đầu tư tăng cường năng cho lực lượng kiểm ngư, kiểm lâm và đăng kiểm tầu thuyền nghề cá, đặc biệt đăng kiểm tầu công suất lớn hoạt động xa bờ.

**4. Tăng cường quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo ATTP đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản**

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn thực thi Luật ATTP và Nghị định số 38/2012/NĐ-CP. Tổ chức thực hiện các chương trình giám sát ATTP nông sản, thủy sản theo kế hoạch; triển khai Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014, tăng cường kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh NLTS đủ điều kiện ATTP.

- Thực hiện Đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng NLTS và muối giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 30/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Dự án tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quản lý chất lượng NLTS và muối giai đoạn 2011- 2015 theo Quyết định 1165/QĐ-BNN-TCCB ngày 21/5/2012 của Bộ và Đề án xây dựng và phát triển mô hình



LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn trên phạm vi toàn quốc, nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét trong công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh ATTP hàng nông sản để giải quyết những bức xúc trong xã hội.

- Tăng cường năng lực hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm, thanh tra, xử lý vi phạm về chất lượng, vệ sinh ATTP; chú trọng quản lý chất lượng vật tư đầu vào; bảo đảm vệ sinh an toàn giết mổ gia súc, gia cầm, nhất là tại các thành phố lớn và các vùng sản xuất nông sản, thực phẩm. Nâng cấp một số phòng kiểm nghiệm và xây dựng trung tâm kiểm nghiệm kiểm chứng đáp ứng yêu cầu khu vực và các nước tiên tiến trên thế giới.

- Chủ động đánh giá, cung cấp kịp thời thông tin ATTP cho người tiêu dùng; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của chính người dân và cộng đồng về ATTP. Xử lý các rào cản kỹ thuật và kiểm soát chặt chẽ hàng nhập khẩu có nguồn gốc động, thực vật nhằm ngăn chặn hàng kém chất lượng, không đảm bảo ATTP nhập khẩu và lưu thông tại Việt Nam.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Căn cứ nhiệm vụ quy định trong Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long và kế hoạch này, từng ủy viên Ban chỉ đạo, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh thành vùng ĐBSCL có trách nhiệm lập Kế hoạch công tác cụ thể gửi Văn phòng Ban chỉ đạo để tổng hợp và theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình công tác năm 2015, định kỳ báo cáo Trưởng Ban và Bộ trưởng để chỉ đạo, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn của toàn Vùng năm 2015.

- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm 2015, ủy viên Ban chỉ đạo thống kê, báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị mình với Ban qua Văn phòng Ban chỉ đạo (trong đó nêu rõ: việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân, trách nhiệm và hướng xử lý trong thời gian kế tiếp) theo đường công văn và qua thư điện tử longpt.kh@mard.gov.vn trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp.

- Giao Văn phòng Ban chỉ đạo là cơ quan thường trực theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và xây dựng hạ tầng nông thôn vùng ĐBSCL năm 2015 cho Trưởng Ban và các cấp theo yêu cầu.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, ủy viên Ban chỉ đạo gửi văn bản về Văn phòng Ban để tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh phù hợp.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**



LuatVietnam
www.vanbanluat.vn